TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2018/QĐST – HNGĐ	*GV, ngày 14 tháng 3 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2018/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa:
  Nguyên đơn***: Chị*** **Bùi Thị Th,** sinh năm 1987.
  Địa chỉ: Thôn HL, xã G, huyện G, tỉnh N.
  Bị đơn: ***Anh Nguyễn Thành L,*** sinh năm 1985.
  Địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N.
- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Thành L.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Thành L về các vấn đề khác cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị *Bùi Thị Th và anh Nguyễn Thành L* đều thừa nhận vợ chồng có hai con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 30/3/2008, cháu thứ hai tên là Nguyễn Thành Ngọc Trấn V, sinh ngày 26/12/2010. Khi ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận để chị Th là người trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu Trấn V, anh L là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Tiến D, kể từ tháng 3/2017 cho

đến khi 2 cháu đủ 18 tuổi. các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Các bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản và công nợ chung;

Anh L và chị Th đều thừa nhận không có, đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ. Do vậy, vấn đề tài sản và công nợ chung Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

Chị Bùi Thị Th nhận nộp 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện GV theo biên lai số: AA/2010/04145 ngày 11/01/2018. Trả lại cho chị Bùi Thị Th 150.000^{đ} tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GV;
- Các đương sự;
- UBND xã GT;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

TRẦN THỊ PHI